

CHÍNH SÁCH ĐỐI VỚI GIÁO DÂN CÔNG GIÁO DI CƯ CỦA CHÍNH QUYỀN NGÔ ĐÌNH DIỆM (1954-1963)

Phạm Thúc Sơn(*)

Trong lịch sử Việt Nam, cuộc di cư của hơn 800.000 người miền Bắc vào Nam, trong đó tuyệt đại đa số dân di cư là giáo dân Công giáo là một sự kiện có ý nghĩa và ảnh hưởng quan trọng trong lịch sử đương đại. Trong diễn biến của cuộc di cư, việc tìm hiểu chính sách của chính quyền Mỹ-Diệm đối với giáo dân là điều cần thiết để hiểu thêm về lịch sử miền Nam Việt Nam trong giai đoạn này.

1. Âm mưu của Ngô Đình Diệm trong việc kích động giáo dân Công giáo di cư

Thất bại ở Điện Biên Phủ, thực dân Pháp buộc phải ký Hiệp định Genève (21-7-1954). Thế nhưng, thực dân Pháp vẫn chưa nuốt trôi cái nhục bại trận. Sau hiệp định Genève Pháp không còn gì để ở lại miền Bắc Việt Nam, tại miền Nam mặc dù độc lập, nhưng quyền lực vẫn nằm trong tay quân đội Pháp, các sĩ quan người Việt thân Tây, các sĩ quan cũ của đội quân thuộc địa. Pháp cấu kết với đế quốc Mỹ và chính quyền tay sai Ngô Đình Diệm tìm mọi cách phá hoại Hiệp định Genève hòng chia cắt lâu dài đất nước ta, biến miền Nam Việt Nam trở thành thuộc địa kiểu mới, một tiền đồn chống cộng lý tưởng của chúng ở Đông Nam Á. Từ tháng 9 năm 1954 đến tháng 7 năm 1955 là thời kỳ chuyển quân tập kết của hai bên tham chiến theo quy định của Hiệp định Genève về Việt Nam. Trong thời gian 300 ngày sau ngày hiệp định bắt đầu, cuối thời hạn mở này, hơn 810.000 người dân đã tận dụng cơ hội di cư từ Bắc vào Nam¹. J.Compain thông sứ Bắc Việt do Cao ủy Pháp tại Đông Dương đặc cử đã tuyên bố “quân Pháp khi rút lui, sẽ làm cho Hà Nội hoàn toàn trống vắng vì chính việc di tản đi một triệu người. Tướng Cônhi đã kí những sự vụ lệnh, truyền cho tất cả công chức người Việt phải rời Hà Nội đi vào Sài Gòn”².

Ngay từ khi vấn đề chấm dứt chiến tranh Việt Nam và Đông Dương còn đang được đàm phán ở Genève, giới cầm quyền Washington đã dự báo sẽ có sự chia đôi tạm thời nước Việt Nam trong một thời gian nhất định, và sau đó sẽ có cuộc tổng tuyển cử để đi đến thống nhất đất nước. Aixenhao đã nhận định rằng “nếu bầu cử xảy ra theo như hiệp định Genève đã tiên liệu, thì 80% dân chúng miền Nam sẽ bỏ phiếu cho Hồ Chí Minh”³. Hoa Kỳ không thể chấp nhận một sự đảo ngược cán cân như vậy. Để điều này không diễn ra, Tổng thống Mỹ, Eisenhower đã tính đến kế hoạch di cư của đồng bào miền Bắc vào Nam. Khi Hiệp định Genève còn chưa kết thúc, Mỹ và chính quyền Ngô Đình Diệm bắt tay ngay vào việc thực thi kế hoạch này.

Về phía Tòa Thánh, dưới thời giáo hoàng Pio XII, không thể có sự thỏa hiệp, bắt tay với Cộng sản. Sau khi nhà nước Cộng hòa Dân chủ nhân dân Trung Hoa thành

(*) **Tiến sĩ, Đại học Thủ đầu Một. Email: phamthucson@gmail.com**

¹ Văn bản Phủ Tổng ủy di cư tị nạn (PTUDCTN) gửi Phủ Tổng Thống (PTT), Hồ sơ số 343, tập 4041, Phủ Tổng thống Đệ Nhất Cộng Hòa, Trung tâm lưu trữ quốc gia II, trang 1.

² Trần Tam Tinh (1988), *Thập giá và lưỡi gươm*, NXB Trẻ, trang 100-101.

³ Trần Tam Tinh (1988), *Thập giá và lưỡi gươm*, NXB Trẻ, trang 191.

lập tháng 10/1949. Tòa thánh đã công khai ủng hộ Pháp và chống lại Chính phủ Hồ Chí Minh. Người Công giáo và người không Công giáo ở Việt Nam, tuy có khác nhau về tôn giáo, nhưng họ cùng sinh sống trên một đất nước, trong bản thân mỗi người đều có lòng yêu quê hương, yêu Tổ quốc, làm cách mạng chống thực dân để cứu đất nước. Cuộc kháng chiến của người Công giáo miền Bắc trong những năm 1946 – 1954, cũng không kém trong miền Nam.

Người Công giáo bị kẹt giữa hai con đường: hoặc là hợp tác với Việt Minh, có nguy cơ đi ngược lại chủ trương của giáo Hội; hoặc là liên hiệp với Pháp để phản bội lại Tổ quốc.

Ngày 1 tháng 7 năm 1949, Thánh bộ Đức tin tuyên bố rằng “ những người Cộng sản đương nhiên bị vạ tuyệt thông tức khắc, rằng tất cả những ai hợp tác với Đảng Cộng sản, hoặc bỏ phiếu cho Cộng sản, hoặc đọc, xuất bản, phân phối báo chí Cộng sản, hoặc giúp đỡ bất kỳ cách nào cho Đảng Cộng sản đều bị khai trừ khỏi các bí tích”⁴.

Giáo dân bị phân hóa, những người giáo dân yêu nước tiếp tục chiến đấu giành độc lập dưới sự lãnh đạo của Đảng Cộng sản, chấp nhận bị vạ tuyệt thông. Cụ Mai Lão Bang, bị bắt vì tham gia phong trào Duy Tân, tuyên truyền đơn chống Pháp trong giới Công giáo Việt Nam, đã chia sẻ cảnh tù đầy tại Côn Đảo. Lúc đầu, cụ phải chịu sự cải tạo, các Cố Tây từng đe dọa ông phải chịu vạ tuyệt thông, nhưng ông trả lời “ các linh mục Pháp được quyền yêu nước Pháp và chiến đấu vì nước Pháp, tại sao tôi lại bị vạ tuyệt thông chỉ vì tôi yêu Tổ quốc tôi?”⁵. Những người khác rời bỏ kháng chiến hoặc đứng về phía thực dân và bù nhìn Bảo Đại để chống lại Tổ quốc. Các giáo sĩ Công giáo chống Cộng như Lê Hữu Từ, Phạm Ngọc Chi, linh mục Hoàng Quỳnh lập ra các giáo khu Phát Diệm và Bùi Chu.

Năm 1950, nhân danh Vatican, các đạo quân viễn chinh của Pháp đã dùng máy bay truyền đơn kèm theo những lời kết án Cộng sản, tuyên truyền việc chung sống với Việt Minh là bỏ đạo, phản bội đức tin. Pháp tung ra những tin nói rằng nhiều linh mục và lãnh tụ Công giáo đã bị Cộng sản giết hại. Từ năm 1950, nhiều làng Công giáo vùng đồng bằng được trang bị vũ trang, nhận súng từ Pháp được các linh mục chỉ huy trực tiếp. Lính công giáo có những lúc tham gia các cuộc hành quân của Pháp, theo gương lính Pháp, họ cướp bóc các làng, lấy trộm, tàn sát, thiêu rụi tất cả những gì bị coi là ô kháng chiến. Đối với những người Công giáo kháng chiến, sau thư chung của các giám mục năm 1951, họ bị những người đồng đạo gọi là “giáo gian”, bị xua đuổi, thậm chí không cho dự thánh lễ.

Tuy không cứu được thực dân Pháp khỏi thảm bại cuối cùng, quân Công giáo gây ra nhiều khó khăn cho công cuộc kháng chiến ở vùng phía Nam đồng bằng sông Hồng. Chiến thắng năm 1954, đã làm thất bại âm mưu xâm lược Việt Nam của thực dân Pháp, sự vui mừng của nhân dân Việt Nam, lại là sự lo âu của giáo dân vùng Sông Hồng, bị các linh mục lôi kéo vào cuộc mạo hiểm này.

Dựa vào điều 14 Hiệp định Genève cho phép thường dân được tự do từ vùng này sang vùng khác, chính quyền Mỹ – Ngô Đình Diệm thực hiện chiến dịch cưỡng ép di cư nhằm tạo dư luận xấu về chế độ ở miền Bắc, ngăn chặn sự ủng hộ của nhân dân các nước trên thế giới đối với cuộc đấu tranh thống nhất đất nước. Mặt khác, với

⁴ Trần Tam Tinh (1988), *Thập giá và lưỡi gươm*, NXB Trẻ, trang 185.

⁵ Trần Tam Tinh (1988), *Thập giá và lưỡi gươm*, NXB Trẻ, trang 189.

hi vọng đưa được một số lượng tri thức vào miền Nam, tạo ra những xáo động nhằm làm cho miền Bắc không ổn định về kinh tế, gây khó khăn trong cuộc đấu tranh thống nhất nước nhà và hàn gắn vết thương sau chiến tranh. Mặt khác, chính quyền Mỹ-Diệm hy vọng với số dân di cư từ miền Bắc vào Nam sẽ thăng bằng sự chênh lệch giữa dân số miền Bắc 12 triệu và dân số miền Nam 11 triệu, làm tăng hi vọng thắng lợi của cuộc tổng tuyển cử đối với Ngô Đình Diệm, tạo ra một cơ sở vững chắc cho chế độ của Diệm. Tờ báo Thế giới - 29.11.1954 có viết “ họ xem những người miền Bắc như là một khối dự trữ cho quân đội và cho những tổ chức chính trị của họ, trong khối dự trữ đó, họ mộ được những người tay chân cuồng tín”⁶.

Vì vậy, trước khi Hiệp định Genève được ký, Hoa Kỳ cho một phần của Phái bộ quân sự Sài Gòn ra miền Bắc để kích động người dân nói chung và giáo dân nói riêng di cư vào miền Nam. Nếu các hoạt động phá hoại của Pháp và Mỹ gây ảnh hưởng đến toàn thể dân Việt Nam, thì những luận điệu tuyên truyền lại có những ảnh hưởng quan trọng nhất định đến cộng đồng Công giáo. Một điều hiển nhiên có thể thấy, người dân Việt Nam chỉ rời bỏ vùng quê cha đất tổ khi không còn con đường nào khác để họ lựa chọn, những giáo dân di cư phải bán tất cả ruộng vườn, tài sản để rời bỏ quê hương, đi vào Nam – một nơi xa lạ với họ. Vậy nguyên nhân gì đã khiến những giáo dân phải ra đi như vậy?

Về phía Mỹ – Ngô Đình Diệm, một mặt họ tuyên truyền, xuyên tạc các chính sách của Đảng và nhà nước, luôn tìm cách hạ uy tín của chính phủ Hồ Chí Minh, như vô sản là vô thần nên sẽ căm đạo. Mặt khác, Mỹ - Diệm lợi dụng những sai lầm của Đảng trong cải cách ruộng đất, tuyên truyền làm cho người dân mất lòng tin vào Đảng và Nhà nước. Người của Phái bộ quân sự Sài Gòn tung tin hù dọa “Mỹ sẽ ném bom nguyên tử hủy diệt miền Bắc” vừa lợi dụng sự nhẹ dạ cả tin của con chiên: “Người ta đồn rằng Đức Mẹ hiện lên ở Ba Làng (Thanh Hóa) để ra lệnh cho giáo dân đi vào Nam, bởi vì Mẹ cũng bỏ miền Bắc Việt Nam”⁷, “ai ở lại miền Bắc sẽ có nguy cơ đánh mất linh hồn”. Chính những luận điệu tuyên truyền đã đi vào lòng người dân như một điềm gỡ về những tai ương đến với người Công giáo. Với những khẩu hiệu như: “Chúa đã vào Nam”, “Đức Mẹ đã rời bỏ Bắc Việt”, đã tác động rất lớn đến cộng đồng Công giáo với một niềm tin mãnh liệt vào Đức Mẹ và Chúa Giesu, và những lời tuyên truyền ấy dường như đã trở thành một tín điều bắt buộc.

Những năm 1949 - 1954, các linh mục đã biến những người Công giáo trở thành những kẻ giết người như bọn lính Pháp, thì đến những năm 1954 - 1955, việc tạo ra một chuyên “di cư” vào Nam của người Công giáo chẳng khó khăn gì đối với các linh mục. Những người dân đã chấp nhận từ bỏ tất cả, kể cả nhà cửa, quê hương của họ để vào Nam – nơi mà có một vị thủ tướng Công giáo đang chờ đón họ, có thể tạo điều kiện để họ sinh sống làm ăn trên vùng đất mới như lời các cha Xứ đã nói với mọi người và bằng bất cứ giá nào, phải từ bỏ vùng đất cộng sản để đi vào vùng đất tự do. Với những lời tuyên truyền xảo trá, làm nên sự hoang mang, hoảng hốt tinh thần của người Công giáo, lợi dụng lòng tin của giáo dân, đã làm cho hàng vạn người dân di cư vào Nam. Để huy động số lượng lớn người di cư, Mỹ đã không từ bỏ một thủ đoạn nào, các biện pháp chiến tranh tâm lí được CIA thực hiện triệt để.

⁶ Trần Trọng Trung (1987), *Một cuộc chiến tranh sáu đời Tổng thống*, Tập 2, NXB Văn nghệ TP HCM, trang 74.

⁷ Trần Tam Tinh (1988), *Thập giá và lưỡi gươm*, NXB Trẻ, trang 103.

Bên cạnh những hoạt động của CIA, một bộ phận chức sắc của giáo hội Công giáo cũng đã có những hành động giúp đỡ. Năm 1952, mật lệnh của Tòa Thánh cho phép các linh mục được di cư trong trường hợp chính phủ Hồ Chí Minh thắng lợi.

Việc Pháp rút khỏi Bắc Kỳ theo Hiệp định Genève là việc nằm ngoài ý muốn của các giám mục, linh mục Việt Nam. Họ cảm thấy mình bị bỏ rơi và đó là một hành động phản bội của Pháp. Nhưng sau đó, nhiều vị chức sắc đã tổ chức di cư. Giám mục Lê Hữu Từ cai quản địa phận Phát Diệm di cư ngay những ngày đầu. Những luận điệu tuyên truyền trên đã đánh trúng vào sự sùng đạo, sự cuồng tín trong một bộ phận người Công giáo. Các chức sắc Công giáo lợi dụng các buổi cầu nguyện để dụ dỗ, cưỡng ép giáo dân di cư, đe dọa sẽ bị trừng phạt khi ở lại. Không ít trường hợp, các linh mục sau buổi cầu nguyện, mang theo hết tất cả Kinh sách, ảnh tượng, để lại nhà thờ trống rỗng, tuyên bố rằng cha đã vào Nam, những người ở lại sẽ không có cha để giảng đạo. Một bộ phận đứng đầu trong giáo hội tổ chức và phát động phong trào di cư, bắt ép một số linh mục phải đi vào Nam và lôi kéo cả giáo dân cùng đi, giáo dân các nơi được đưa về Hà Nội để đưa xuống Hải Phòng và vào Nam.

Từng toán xe tải nhà binh tiến vào các làng công giáo để bốc người đi, hàng ngàn con người khốn khổ vội vã bị bốc lên xe, chỉ có thời gian lấy theo vài bộ quần áo và đôi lúc là một, hai bao gạo, sau đó họ được chở đến hai điểm tập trung Hải Phòng và Hà Nội. họ nằm đó hàng ngàn người và chờ đợi ra đi.

Để quá trình di cư được diễn ra thuận lợi, Mĩ - Diệm tuyên bố rằng vào Nam sẽ có tự do, sống cuộc sống sung túc, ấm no, vào Nam sẽ được Mĩ viện trợ 3 tháng ăn, người lớn 12 đồng 1 ngày, trẻ em 6 đồng 1 ngày, có 3 mẫu ruộng, có 2 con trâu đi cày và nhà ở.

Sau Hiệp định Genève, dịch đóng cửa Ngân hàng Đông Dương, chuyển vào miền Nam, buộc những người gửi phải vào Sài Gòn để rút tiền. Mĩ - Diệm tập trung di cư gồm ngụy binh và gia đình của họ, giáo dân, thanh niên, những người trí thức,.. Báo chí Ấn Độ đã viết lên mục đích của việc di cư này nhằm “lấy thanh niên miền Bắc vào quân đội của Diệm”. Còn báo chí Pháp “ người Mỹ và Ngô Đình Diệm đang dồn những người Công giáo miền Bắc vào Nam để củng cố hậu phương cho Diệm”⁸.

2. Tổ chức định cư lực lượng giáo dân công giáo di cư

Để đạt được những hiệu quả từ phong trào di dân này, Mĩ và Pháp đã dùng sức mạnh kinh tế để tiếp sức. Việc chuyên chở di cư được kế hoạch và sử dụng phương tiện chuyên chở của Pháp và Mĩ, còn việc định cư là do người Mĩ hoàn toàn tài trợ⁹. Để quốc Mĩ đã chi 55 triệu đô la, Pháp chi 66 tỉ phrăng cho kế hoạch này.

Để chuẩn bị công tác định cư, chính quyền Mĩ - Diệm đã tổ chức các cơ quan đôn đốc, giúp đỡ việc di cư được tiến hành thuận lợi hơn. Ngày 9 tháng 8 năm 1954, Ngô Đình Diệm kí quyết định thành lập Phủ Tổng ủy di cư tị nạn do Bùi Văn Lương đứng đầu, sau đó thành lập Hội đồng di cư Bắc Việt, tổ chức các hoạt động dụ dỗ, cưỡng bức di cư. Ngày 1/9/1954, Ủy Ban hỗ trợ định cư (UBHTĐC) được thành lập do giám mục Phan Ngọc Chi - tổng cai quản địa phận Bùi Chu phụ trách, làm nhiệm vụ cứu trợ giáo dân di cư trong việc ổn định công tác sinh hoạt và định cư.

⁸ Trần Trọng Trung (1987), *Một cuộc chiến tranh sáu đời Tổng thống*, Tập 2, NXB Văn nghệ TP HCM, trang 75.

⁹ Hoàng Linh Đỗ Mậu (2001), *Tâm sự tướng lưu vong (Việt Nam máu lửa quên hương tôi)*, Nxb CAND, Hà Nội, trang 145.

Cùng với việc hoàn tất kế hoạch di dân từ Bắc vào Nam, vấn đề nhanh chóng hoàn thành việc định cư dân tị nạn cũng được cấp thiết, nếu không lợi bất cập hại về mặt chính trị. Kế hoạch di cư hoàn tất với 250 trại định cư của gần tám mươi vạn “giáo dân tị nạn cộng sản” rải ra từ cao nguyên Trung phần đến Nam phần.

Nhờ vào sự viện trợ của Mỹ, việc định cư được giao cho các cha xứ, tại các vùng công giáo di cư, cha xứ là người nắm toàn quyền. Tình hình ổn định cho dân định cư chính Ngô Đình Nhu cũng thừa nhận đây là một việc không hề đơn giản. Nhu tìm gặp đến Ngô Đình Thục để bàn cách đối phó “Hãy tung tiền ra cho Trần Văn Lắm (lãnh tụ Tập đoàn Công dân) và Bùi Văn Thịnh (lãnh tụ Phong trào tranh thủ tự do) để họ phục vụ cho việc ổn định dân di cư”. Bản báo cáo của tổng thống họ Ngô khẳng định “thành tích xây dựng quân lực và định cư dân tị nạn có được, chủ yếu là dựa vào 360 triệu đô la viện trợ Mỹ”, “không có sự giúp đỡ của Mỹ, chắc chắn Diệm không thể củng cố được chỗ đứng của mình ở miền Nam trong những năm 1955 – 1956”.

Với gần 900.000 người di cư, việc ổn định chỗ ăn, chỗ ở quả thật là một việc không dễ dàng chút nào, nhất là khi chính quyền Ngô Đình Diệm vừa được xác lập, đã vấp phải sự chống trả của các giáo phái chính trị khác ở miền Nam Việt Nam. Mặt khác, đối với chính sách di cư, Mỹ - Diệm đã cố tạo ra những ngôn từ hoa mỹ, một “thiên đường” giả tạo để dụ dỗ người di cư vào Nam. Việc ổn định đời sống cho đồng bào di cư mãi đến cuối năm 1956, đầu 1957 vẫn chưa được thực hiện. Viên Tổng ủy trưởng Phủ Di cư Tị nạn báo cáo rằng “Liên đoàn công nhân di cư tị nạn có gửi đến phủ tôi xin cho 381 đồng bào di cư người Nùng, một nửa ở Phú Thọ (Sài Gòn) và một nửa ở sông Mao (Phan Thiết) lên định cư tại Buôn Mê Thuột. Song Phủ Tổng thống chỉ đồng ý cho số người Nùng ở Phú Thọ mà thôi”¹⁰.

Trong giai đoạn đầu, hầu hết những người sơ tán từ Hà Nội và Hải Phòng vào Nam được trú ngụ trong bốn mươi hai trạm tiếp cư gần các cảng và bến xe chính thuộc Sài Gòn, Chợ Lớn và Vũng Tàu¹¹.

Trong giai đoạn tiếp theo, trước khi thời hạn 300 ngày theo Hiệp định Genève kết thúc, đa số người tị nạn đóng ở Sài Gòn, Chợ Lớn và Vũng Tàu đã chuyển đến định cư lâu hơn ở các tỉnh phụ cận các trung tâm đô thị này.

Ngô Đình Diệm tìm cách tạo sự ổn định về kinh tế, quân sự và chính trị ở những khu vực kém phát triển, hy vọng tạo nên một thế lực kinh tế và một bức tường thành cho Việt Nam Cộng hòa trước sự nổi dậy của Cộng sản. Đồng thời, có thể giảm nhẹ áp lực tại các khu vực chịu sức ép bởi tình trạng dân số quá đông, thiếu đất bằng việc dời các khu định cư người tị nạn ra khỏi khu vực quá đông như Sài Gòn – Chợ Lớn và duyên hải miền Trung.

Kế hoạch tái định cư cho người Bắc di cư ở Cao Nguyên hình thành ngay từ tháng 7/1955, các kế hoạch này phần nào đáp lại mối bận tâm về tình trạng quá đông dân ở khu vực xung quanh Đà Nẵng. Đến tháng 12 năm 1955, có 257 khu tái định cư được chính thức đăng kí với Phủ Tổng ủy Di cư tị nạn của Việt Nam Cộng hòa¹².

¹⁰ Văn bản Phủ Tổng ủy di cư tị nạn (PTUDCTN) gửi Phủ Tổng Thống (PTT), Hồ sơ số 343, tập 4041, Phủ Tổng thống Đệ Nhất Cộng Hòa, Trung tâm lưu trữ quốc gia II, trang 1.

¹¹ Văn bản Phủ Tổng ủy di cư tị nạn (PTUDCTN) gửi Phủ Tổng Thống (PTT), Hồ sơ số 343, tập 4041, Phủ Tổng thống Đệ Nhất Cộng Hòa, Trung tâm lưu trữ Quốc gia II, trang 7.

¹² Văn bản Phủ Tổng ủy di cư tị nạn (PTUDCTN) gửi Phủ Tổng Thống (PTT), Hồ sơ số 343, tập 4041, Phủ Tổng thống Đệ Nhất Cộng Hòa, Trung tâm lưu trữ Quốc gia II, trang 7.

Bằng những biện pháp trên, chính quyền di cư của Mỹ - Diệm đã thu được những kết quả nhất định. Tháng 9 năm 1955, chính quyền Ngô Đình Diệm đã lập được 286 làng định cư, số người di cư được phân bố ở hầu hết các tỉnh miền Nam, Trung và Nam Bộ.

Theo báo cáo của Phủ Tổng ủy Tị nạn Di cư: “đến cuối tháng 12 năm 1955, việc định cư đã được tạm ổn với số 600 177 đồng bào tị nạn trong số 887 861 người, nghĩa là trừ số 125 393 binh sĩ và gia đình họ do Bộ Quốc phòng đảm nhiệm, còn 762 408 người do Phủ Tổng ủy phụ trách thì hơn 80% đã được định cư trong các trại chính thức. Còn non 20% là đồng bào đã tự động định cư. Còn 734 người tạm trú trong các trại tiếp cư nay mai cũng sẽ được đưa đi định cư nốt”¹³.

Năm 1956, được xem là thời điểm kết thúc việc di cư, chính quyền Ngô Đình Diệm xem đây là một thắng lợi lớn. Ngày 7/7/1955, nhân kỉ niệm một năm làm Quốc trưởng, Ngô Đình Diệm đã tuyên bố rằng cuộc di cư này là chiến thắng đầu tiên của thế giới tự do trong việc đối phó với cộng sản quốc tế từ ba mươi năm trở lại đây.

3. Số liệu giáo dân Công giáo di cư

Theo tư liệu của Phủ Tổng Ủy Tị Nạn Di Cư thì tổng cộng đồng bào di cư đến 30/6/1955 là 810.000 người và tổng số đồng bào di cư đến ngày 31/12/1955 là 887.861 người¹⁴. Số di dân di cư là giáo dân 543.500 giáo dân. Xét về công giáo di cư người ta cần hiểu rằng hàng giáo sĩ đã ảnh hưởng rất lớn đến việc ra đi, cụ thể ở các địa phận như sau¹⁵:

Địa phận	Trước di cư		Di cư vào Nam			
	Giáo dân	Linh mục	Giáo dân	%	Linh mục	%
Hà Nội	200.000	168	50.000	25%	115	68%
Bắc Ninh	74.000	64	38.000	52%	56	86%
Bùi Chu	330.000	200	165.000	50%	170	85%
Hải Phòng	120.000	87	61.000	51%	79	91%
Hung Hóa	78.000	54	7.000	9%	24	45%
Lạng Sơn	5.000	18	2.500	50%	13	72%
Phát Diệm	139.000	168	80.000	58%	143	85%
Thái Bình	160.000	92	80.000	50%	79	86%
Thanh Hóa	65.000	88	18.000	28%	62	70%
Vinh	219.000	188	42.000	20%	68	36%
Tổng	1.390.000	1.127	543.500	40%	809	72%

Với những con số thống kê trên thì có thể thấy, đã có 72% linh mục di cư vào Nam, trong khi chỉ có 40% giáo dân di cư. Số dân công giáo di cư chiếm tới hai phần ba số người di cư. Xét về tỉ lệ dân số miền Bắc khi đó, thì khoảng 40% dân công giáo di cư trong khi chỉ có 2% dân thường. Với những tính chất quan trọng từ các vị chức sắc trong giáo hội, giáo dân ở Phát Diệm, Bùi Chu, Hải Phòng, Bắc Ninh, Thái Bình di cư nhiều, vì ở những địa phận này giám mục và phần lớn các linh mục đều di cư, ngược lại so với Hà Nội, Hưng Hóa, giám mục ở hai địa phận này quyết định ở lại và không ủng hộ việc di cư.

¹³ Văn bản Phủ Tổng ủy di cư tị nạn (PTUDCTN) gửi Phủ Tổng Thống (PTT), Hồ sơ số 343, tập 4041, Phủ Tổng thống Đệ Nhất Cộng Hòa, Trung tâm lưu trữ quốc gia II, trang 2.

¹⁴ Văn bản Phủ Tổng ủy di cư tị nạn (PTUDCTN) gửi Phủ Tổng Thống (PTT), Hồ sơ số 343, tập 4041, Phủ Tổng thống Đệ Nhất Cộng Hòa, Trung tâm lưu trữ quốc gia II, trang 8.

¹⁵ Trần Tam Tinh (1988), *Thập giá và lưỡi gươm*, NXB Trẻ, trang 113.

Vào thời điểm diễn ra Hội nghị Genève 1954, có khoảng 1.900.000 tín đồ Công giáo ở Việt Nam, trong số đó chỉ có 520.000 người hay 27,4% sống ở hai giáo khu miền Nam là Sài Gòn và Huế. Ngược lại, sau cuộc di cư, hai giáo khu này trở thành quê hương của khoảng 1.170.000 tín đồ Công giáo Việt Nam (61,6%). Sau cuộc di cư năm 1954 hoàn tất, dân số toàn quốc là 38 triệu mà trong đó 15 triệu người sinh sống ở miền Nam. Trong tổng 15 triệu người, được phân chia theo phương diện tôn giáo như sau: đạo Tin Lành có 200.000 tín đồ, Hòa Hảo khoảng 1.500.000, Cao Đài có khoảng 1.500.000 tín đồ, số Phật tử tại miền Nam ước lượng khoảng 4.500.000¹⁶.

Các số liệu chính thức của Việt Nam Cộng hòa được tập hợp vào tháng 10 năm 1955 chỉ ra rằng những người từ miền Bắc di cư vào Nam bao gồm 676.348 tín đồ Công giáo (76,3% tổng số người Bắc di cư), 209.132 tín đồ Phật giáo (23,5%) và 1.041 tín đồ Tin Lành (0,2%)¹⁷. Theo tờ Information Cathlique Internationale, Eglise du Nord Viet Nam, trong số 860.026 người Bắc di cư vào Nam, có 676.384 (78,64%) người Thiên Chúa Giáo (tức là hơn một nửa giáo dân miền Bắc) với 5 giám mục và hơn 700 linh mục (2/3 tổng số linh mục miền Bắc)¹⁸.

4. Lực lượng giáo dân trong hệ thống chính quyền

Số dân Công giáo đã được Ngô Đình Diệm tín nhiệm về mặt chính trị và là lực lượng để giúp Ngô Đình Diệm cầm quyền ở miền Nam Việt Nam, là nguồn nhân lực chủ yếu của bộ máy hành chính, chính trị quân sự của chính quyền Sài Gòn. Một linh mục thống kê: “Trong một nước chỉ có 10% (dân số) là (tín đồ) Công giáo mà:

Tại Quốc hội, có tới 30% dân biểu Công giáo với 3 vị chủ tịch Quốc hội liên tiếp là Công giáo.

Trong bộ máy hành chính, có 9/14 tỉnh trưởng miền Trung và 14/18 tỉnh trưởng miền Nam là Công giáo.

Trong chính phủ có 4/12 bộ trưởng là Công giáo.

Trong quân đội, 3 trong số 16 tướng lĩnh là Công giáo”.

Một cựu tướng lĩnh của quân đội Sài Gòn cho biết thêm:

“Trong Quốc hội chủ tịch luôn luôn là người Công giáo, đa số dân biểu đều là người Công giáo...cho đến năm 1963, trừ thị trưởng Đà Lạt là người theo Phật Giáo, tất cả các tỉnh, thị trưởng tại miền Trung và Cao Nguyên đều là tín đồ Thiên chúa giáo. Tỉnh trưởng nhiều tỉnh ở Nam phần như: Gia Định, Bình Tuy, Long Khánh, Phước Thành, Phước Long, Định Tường, Kiến Hòa, Vĩnh Long...đều là người Công giáo”¹⁹.

Chính quyền Ngô Đình Diệm đã đưa các tín đồ Công giáo di cư vào các chức vụ hoặc cho thành lập các tổ chức chính trị hậu thuẫn cho Diệm như: Trần Văn Lắm thành lập Tập đoàn công dân vụ cuối năm 1954, Bùi Văn Thịnh thành lập Phong trào tranh đấu tự do, Bùi Văn Lương giữ chức Tổng ủy trưởng di cư tị nạn, Trần Chánh

¹⁶ Hoàng Linh Đỗ Mậu (2001), *Tâm sự tướng lưu vong (Việt Nam máu lửa quên hương tôi)*, Nxb CAND, Hà Nội, trang 395.

¹⁷ *Văn bản Phủ Tổng ủy di cư tị nạn (PTUDCTN) gửi Phủ Tổng Thống (PTT)*, Hồ sơ số 343, tập 4041, Phủ Tổng thống Đệ Nhất Cộng Hòa, Trung tâm lưu trữ quốc gia II, trang 8.

¹⁸ Hoàng Linh Đỗ Mậu (2001), *Tâm sự tướng lưu vong (Việt Nam máu lửa quên hương tôi)*, Nxb CAND, Hà Nội, trang 396.

¹⁹ Trần Tam Tỉnh (1988), *Thập giá và lưỡi gươm*, NXB Trẻ, trang 131.

Thành thành lập Phong trào Cách mạng quốc gia, Lâm Lễ Trinh giữ chức Đồng lý văn phòng Phủ Tổng thống, giám mục Phạm Ngọc Chi phụ trách Ủy ban Hỗ trợ Định cư,..

Tại thành thị, các linh mục không có bằng cấp, chẳng tài giỏi gì mà vẫn điều khiển các trường tư thục, được tổ chức những áp phe vơ vét tiền bạc. Hai linh mục đã được cử làm viện trưởng của hai trong ba trường Đại học của toàn miền Nam, trong đó có Đại học Đà Lạt. Từ năm 1961, CIA tăng cường các hoạt động bí mật chống phá miền Bắc bằng cách gửi ra Bắc các toàn biệt kích, hầu hết là người Công giáo gốc miền Bắc di cư vào Nam.

Như vậy, trong quá trình tiến hành di cư và định cư, chính quyền Ngô Đình Diệm đã đưa những người Công giáo vào chiếm giữ các vị trí trong hệ thống chính quyền, tính chất kì thị theo thời gian cứ tăng dần, gây bất mãn sâu rộng trong nhân dân, nhất là đối với tín đồ Phật giáo.

KẾT LUẬN

Trong lịch sử Việt Nam, di cư không phải là một hiện tượng mới. Cùng với quá trình mở đất về phía Nam, cư dân miền Bắc cũng đã có những cuộc di cư vào Nam để khai khẩn đất hoang, tạo nên một vùng đất mới để lập nghiệp, sinh sống.. Tuy nhiên, những cuộc di cư này bắt nguồn từ yếu tố kinh tế và ý thức dân tộc. Trong khi đó, cuộc di cư được diễn ra năm 1954 - 1956 lại không xuất phát từ nhu cầu tự nguyện của người ra đi. Với nhiều biện pháp cưỡng ép, cuộc di cư được tiến hành nhằm đưa trên bảy trăm ngàn giáo dân vào Nam, để cùng với số giáo dân sống ở miền Nam, hậu thuẫn và làm lực lượng nòng cốt cho Ngô Đình Diệm. Cùng với sự viện trợ của Mỹ, lực lượng công giáo di cư có thể giúp cho Ngô Đình Diệm cầm quyền. Nhờ sự ủng hộ của khối dân Công giáo di cư mà Ngô Đình Diệm giành thắng lợi trong cuộc trưng cầu dân ý vào ngày 23-10-1955, chiếm 98% số phiếu, phế truất Bảo Đại. Hầu hết các chức vụ quan trọng trong chính phủ như bộ trưởng, tỉnh trưởng, quận trưởng và các tướng lãnh, các chức trọng yếu trong quân đội, Tổng thống Diệm đều sử dụng người Công giáo...

Cuộc di cư được xem là một thành công lớn về mặt xã hội, tuy nhiên về mặt chính trị với sự lựa chọn vào Nam của gần một triệu người đã trở thành một sự lựa chọn của một khối lượng Công giáo. Do đó, đáng lẽ biên cố đó có thể tạo nên nhiều uy thế cho chính quyền của miền Nam, thì nó lại bị giới hạn rất nhiều vào một bộ phận thiểu số của cộng đồng dân tộc. Trong quá trình di cư và định cư, chính quyền Ngô Đình Diệm còn thực hiện chính sách kì thị tôn giáo, nhất là đối với Phật giáo với dụng ý biến miền Nam thành một nước Chúa ngay trong việc di cư. Như vậy, Chính sách di cư ngay từ đầu đã gây ra sự mục ruỗng bên trong của chế độ Ngô Đình Diệm.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Công văn số 3453 – TU/VP của Tổng ủy trưởng di cư tị nạn gửi Tổng thống Việt Nam Cộng hòa, ngày 10-7-1956, Trung tâm Lưu trữ Quốc gia II, kí hiệu tài liệu Đệ I CH-4423.

2. Hoàng Linh Đỗ Mậu (2001), *Tâm sự tướng lưu vong (Việt Nam máu lửa quê hương tôi)*, Nxb CAND, Hà Nội.

3. Lê Cung (2001), *Phong trào đô thị Huế trong kháng chiến chống Hoa Kỳ (1954 – 1975)*, Nxb Thuận Hóa.
4. Lê Cung (2003), *Phong trào Phật giáo miền Nam năm 1963*, NXB Thuận Hóa.
5. Lê Duẩn (1970), *Dưới lá cờ vẻ vang của Đảng, vì độc lập tự do, vì chủ nghĩa xã hội, tiến lên giành những thắng lợi lớn*, Nxb Sự Thật, Hà Nội.
6. Nguyễn Đình Tiên (1978), *Chân dung tướng Ngụy Sài Gòn*, Nxb Quân đội Nhân dân.
7. Nguyễn Khắc Viện (2008), *Miền Nam Việt Nam từ sau Điện Biên Phủ (Điều Bình dịch)*, Nxb Trí Thức.
8. Phủ Tổng ủy di cư tị nạn (PTUDCTN) gửi Phủ Tổng Thống (PTT), Hồ sơ số 343, tập 4041, Phủ Tổng thống Đệ Nhất Cộng Hòa, Trung tâm lưu trữ quốc gia II, TP.HCM.
9. Trần Tam Tỉnh (1988), *Thập giá và lưỡi gươm*, NXB Trẻ.
10. Trần Trọng Trung (1986), *Một cuộc chiến tranh sáu đời tổng thống*, Nxb Văn nghệ TP HCM. Trần Trọng Trung (1987), *Một cuộc chiến tranh sáu đời Tổng thống, Tập 2*, NXB Văn nghệ TP HCM.
11. Viện sử học (1995), *Lịch sử Việt Nam 1954-1965*, Nxb Khoa học Xã hội, Hà Nội.